

**TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST

Ngày: 21 - 9 - 2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Minh Trinh**

Ông **Lê Truyền Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Linh Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2020/TLST- DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 39/TB-TA ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**; Trụ sở: Lầu 8, xx đường N, phường C, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch Di** – Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Ngọc C** – Chuyên viên quan hệ khách hàng (*Theo văn bản ủy quyền số 78/2020/UQ-CNĐN ngày 20/3/2020*). Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1969; Trú tại: đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện,** bản tự khai đề ngày 20 tháng 3 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày: Ngày 13/7/2015, bà Phạm Thị Thu T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (*Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*). Căn cứ vào thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ với hạn mức là 15.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp hạn mức tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.225.700đ. Quá trình sử dụng thẻ từ ngày

kích hoạt đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.287.782, thanh toán lần sau cùng (*trước khi Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ*) là vào ngày 30/9/2016.

Qua nhiều lần nhắc nhở bà T vẫn không có thiện chí trả nợ, ngày 01/12/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngày 31/12/2016 bà T có thanh toán thêm cho Ngân hàng 1.250.000đ và cho đến nay không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 23/3/2020 bà T còn nợ Ngân hàng tổng cộng 26.862.753đ. Trong đó nợ gốc 11.697.303, nợ lãi quá hạn 15.165.450đ.

Tính đến ngày xét xử hôm nay (21/9/2020), bà T còn nợ Ngân hàng số tiền 29.189.128đ, trong đó nợ gốc là 11.697.303đ, nợ lãi là 17.491.825đ và vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Nên đề nghị Tòa án buộc bà T phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ nói trên đồng thời tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng cho đến khi bà T thanh toán xong khoản nợ.

* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 19/5/2020, bị đơn Phạm Thị Thu T trình bày: Bà thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, hạn mức tín dụng được cấp là 15.000.000đ. Sau khi ký kết Hợp đồng bà đã thực hiện giao dịch và hiện còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 11.697.303 đúng như nội dung khởi kiện của Ngân hàng. Đối với số tiền lãi phát sinh bà không nắm vì do các tính của Ngân hàng, bà cũng không có ý kiến gì khác, chỉ đề nghị Ngân hàng xem xét điều kiện kinh tế khó khăn, tạo điều kiện để bà được trả số tiền nợ gốc.

Tại phiên hòa giải, đại diện Ngân hàng cũng đồng ý thu số tiền 14.671.253đ nếu bà T thanh toán một lần, số tiền lãi suất còn lại Ngân hàng sẽ xem xét miễn giảm cho bà T. Hai bên cam kết nếu bà T trả số tiền này trước ngày 19/6/2020 thì Ngân hàng sẽ xem xét rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên đến nay, bà T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị Thu T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 29.189.128đ như đề cập trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ việc cấp hạn mức tín dụng thông qua hình thức thẻ tín dụng Ngân hàng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Phạm Thị Thu T, căn cứ địa chỉ của bị đơn tại Hợp đồng tín dụng cũng như địa chỉ hiện nay đều thuộc quận Hải Châu nên Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[1.2] Vụ án này, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ và cũng không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp về mặt tố tụng.

[1.3] Sau khi thụ lý, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, bị đơn cũng đã có bản tự khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa mở lần thứ nhất vào ngày 21/7/2020 bị đơn đã có đơn đề nghị hoãn phiên tòa, lý do là để đi thu hồi công nợ trả cho Ngân hàng. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt và không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như sự thừa nhận của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện vào ngày 13/7/2015 trên cơ sở Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cấp cho bà Phạm Thị Thu T thẻ tín dụng với hạn mức 15.000.000đ. Quá trình giao dịch đến nay bà T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 11.697.303đ. Đến nay bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền lãi suất phát sinh, mặc dù tại văn bản trình bày bà T không xác định được số tiền lãi phát sinh, tuy nhiên căn cứ vào mục 25 của Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thể hiện: *“Đối với giao dịch mua hàng hóa, phí, lệ phí và tất cả những khoản nợ khác trên tài khoản (ngoại trừ giao dịch rút tiền mặt): Nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn đầy đủ đúng hạn vào hoặc trước ngày đến hạn, chủ thẻ phải thanh toán lãi cho đơn vị phát hành thẻ đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong thông báo giao dịch hiện tại và đối với bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trong tài khoản cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong thông báo giao dịch mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ; Đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt: Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút; Sacombank có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo cho chủ thẻ.”*

Tại thời điểm phát hành thẻ cho khách hàng Phạm Thị Thu T thì mức lãi suất cũng như phí rút tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được áp dụng theo Thông báo số 710/TB-TTT ngày 31/12/2013 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Trên cơ sở mức quy định về lãi suất tại Thông báo, căn cứ vào số tiền thực tế giao dịch của bà Phạm Thị Thu T, Ngân hàng đã chứng minh được quá trình sử dụng thẻ, tính đến ngày xét xử hôm nay, bà T đã nợ số tiền tổng cộng là 29.189.128đ, trong đó nợ gốc là 11.697.303đ, nợ lãi là 17.491.825đ.

Như vậy, *“Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng”* là một dạng Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà Phạm Thị Thu T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, các điều khoản thỏa thuận của Hợp đồng được dẫn chiếu theo quy định về Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, Thông

báo số 710/TB-TTT ngày 31/12/2013 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định về biểu lãi suất đối với thẻ tín dụng. Việc giao kết hợp đồng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Việc bà T tham gia sử dụng thẻ nhưng không tuân thủ quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ, không trả nợ theo đúng kỳ hạn, vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán các khoản nợ theo đơn khởi kiện và lãi suất tính tới ngày xét xử sơ thẩm với tổng số tiền 29.189.128đ, trong đó nợ gốc là 11.697.303đ, nợ lãi là 17.491.825đ là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Phạm Thị Thu T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nói trên.

Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi suất, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị tiếp tục tính lãi suất theo Hợp đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 3; Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bà Phạm Thị Thu T

Xử:

1. Buộc bà Phạm Thị Thu T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tổng cộng là 29.189.128đ (*Hai mươi chín triệu một trăm tám mươi chín ngàn một trăm hai mươi tám đồng*), trong đó nợ gốc là 11.697.303đ, nợ lãi là 17.491.825đ.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 22/9/2020 dựa trên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng được ký kết giữa bà Phạm Thị Thu T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và quy định về Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi bà Phạm Thị Thu T thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Thu T phải chịu 1.459.459đ (*Một triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 671.568đ (*Sáu trăm bảy mươi một ngàn năm trăm sáu mươi tám đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009019 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc